TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **167**/2018/QĐST-HNGĐ	*An Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp TT, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 088.....

- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp XNA, xã TT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0165.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/01/2010. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị D và anh T thống nhất xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do đó dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng nhiều không khắc phục được nên không thể tiếp tục sống chung với nhau, vì vậy vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hai bên (chị D, anh T) thật sự tự nguyện ly hôn nên cần ghi nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[2] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T cùng nhau thống nhất xác định và thỏa thuận: Sau khi vợ chồng thuận tình ly hôn, giao con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/4/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con cùng anh T sau khi vợ chồng thuận tình ly hôn. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của người yêu cầu và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần ghi nhận;

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét;

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T cùng thống nhất xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

[5] Về lệ phí Tòa án: **300.000 đồng**, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí thuận tình ly hôn, nhưng chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T cùng thống nhất thoả thuận: Chị D tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D cùng thống nhất thuận tình ly hôn nhau;

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D cùng thống nhất xác định và thỏa thuận, sau khi vợ chồng thuận tình ly hôn giao con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 18/4/2011 cho cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con cùng anh T sau khi vợ chồng thuận tình ly hôn.

Sau khi thuận tình ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về tài sản chung và về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Về lệ phí Tòa án: **300.000 đồng**, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí thuận tình ly hôn, nhưng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D cùng thống nhất thoả thuận: Chị D tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008920 ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh; chị D đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã TT;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Mỹ Linh